TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày: 09-3-2026
"V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự - Tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dũng

Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025, về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự - Tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-DS ngày 21/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐST-DS ngày 09/02/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam), tên viết tắt: Công ty T2.

Địa chỉ: Số I P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Công ty L1; Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tất T – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L1 là: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000, chức danh: Chuyên viên pháp lý; Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Nguyễn Trương Thúy D, sinh năm 1987. (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là Tổ 21, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn Công ty T2 (Việt Nam), tên viết tắt: Công ty T2 (có bà Nguyễn Thị Lan A đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 25/10/2024, Công ty T2 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T2) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5977204 ngày 25/10/2024 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Trương Thúy D với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng, mức lãi suất 58%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T2 giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho bà Thúy D. Theo đó, bà Thúy D có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 3.611.178 đồng, trong kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 25/11/2024 đến ngày 25/10/2025. Từ ngày 21/01/2025 bà Thúy D không thanh toán, thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng. Đến ngày 25/02/2025, Công ty T2 đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Công ty T2 đã liên hệ qua điện thoại và gửi thư đề nghị bà Thúy Duy thực H1 nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nhưng bà Thúy D vẫn không thực hiện thanh toán. Tính đến ngày 05/8/2025, bà Thúy D đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau: Số dư nợ gốc: 25.840.144 đồng. Số tiền lãi trong hạn: 5.603.879 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 3.163.458 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 150.818 đồng. Như vậy, tính đến ngày 05/8/2025, tổng số tiền bà Thúy D phải tất toán là 34.758.299 đồng.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên họp, Công ty T2 yêu cầu bà Nguyễn Trương Thúy D trả cho Công ty T2 số tiền vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 19/01/2026 tổng cộng là 45.105.667 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Trương Thúy D trả tiền lãi phát sinh cho Công ty T2 kể từ ngày 20/01/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5977204 ngày 25/10/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có văn bản yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên tòa và Công ty T2 yêu cầu bà Nguyễn Trương Thúy D trả cho Công ty T2 số tiền vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/3/2026 tổng cộng là 48.211.900 đồng (trong đó: Số dư nợ gốc: 25.840.144 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6.573.423 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 15.269.288 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 529.045 đồng) và yêu cầu bà Nguyễn Trương Thúy D trả tiền lãi phát sinh cho Công ty T2 kể từ ngày 10/3/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5977204 ngày 25/10/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Trương Thúy D: Không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án và không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay và tiền lãi theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự - Tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn có địa chỉ tại phường C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2025.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có văn bản yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Công ty T2 yêu cầu bà Nguyễn Trương Thúy D trả cho Công ty T2 số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 09/3/2026 tổng cộng là: 48.211.900 đồng (trong đó: Số dư nợ gốc: 25.840.144 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6.573.423 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 15.269.288 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 529.045 đồng) và yêu cầu trả tiền lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 10/3/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5977204 ngày 25/10/2024 cho đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Công ty T2 cung cấp cho Tòa án bản sao Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5977204 ngày 25/10/2024 thể hiện bà Thúy D có vay tiền của Công ty T2, có thỏa thuận lãi suất 58%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất của tiền lãi chậm trả là 10%/năm. Bà Thúy D có ký cam kết các điều khoản trong hợp đồng của Công ty T2. Đến ngày 25/02/2025, Công ty T2 đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Đến nay, bà Thúy D chưa trả khoản tiền theo yêu cầu của Công ty T2.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án có thông báo cho bà Thúy D yêu cầu bà Thúy D nộp (gửi) văn bản ghi ý kiến của bà Thúy D đối với yêu cầu của Công ty T2 thì bà Thúy D cũng không gửi (nộp) cho Tòa án.

Do đó, Công ty T2 yêu cầu bà Thúy D trả tiền vốn và tiền lãi cho Công ty T2 là có căn cứ nên chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Trương Thúy D trả cho Công ty T2 số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 09/3/2026 tổng cộng là: 48.211.900 đồng (trong đó: Số dư nợ gốc: 25.840.144 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6.573.423 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 15.269.288 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 529.045 đồng) và trả tiền lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 10/3/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5977204 ngày 25/10/2024 cho đến khi trả xong nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 nên buộc bà Thúy D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền tính đến thời điểm xét xử phải thanh toán.

Công ty T2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 100 và Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu của Công ty T2 (Việt Nam).

Buộc bà Nguyễn Trương Thúy D trả cho Công ty T2 (Việt Nam) số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 09/3/2026 tổng cộng là: 48.211.900 đồng (trong đó: Số dư nợ gốc: 25.840.144 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6.573.423 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 15.269.288 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 529.045 đồng) và trả tiền lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 10/3/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5977204 ngày 25/10/2024 cho đến khi trả xong nợ.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Nguyễn Trương Thúy D chịu tiền án phí là 2.410.595 đồng.

Công ty T2 (Việt Nam) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 869.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009160 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[3] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh ĐT;
- VKSND KV6-ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên